

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II
MÔN: HÓA HỌC 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT – HÌNH THỨC: TỰ LUẬN

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo các mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	NHÓM HALOGEN NHÓM OXI – LƯU HUỖNH	Flo - Clo- Brom- Iot Hidro clorua Axit clohidric Muối clorua Lưu huỳnh H₂S- SO₂-SO₃ Axit sunfuric Muối sunfat	Nhận biết: - Tính chất vật lí, hoá học cơ bản. - Trạng thái tự nhiên, phương pháp điều chế Cl₂/HCl/H₂S/SO₂/H₂SO₄ trong PTN và trong CN. - Nêu hiện tượng và viết phương trình minh họa một số thí nghiệm. - Thực hiện chuỗi các phương trình phản ứng. - Viết các phương trình minh họa tính chất hoá học đặc trưng/điều chế của các halogen, lưu huỳnh và các hợp chất của chúng. Thông hiểu: - Nhận diện các dung dịch mất nhãn (HCl, muối halogenua, H₂SO₄, muối sunfua, sunfit, sunfat). Phân biệt chúng với các dung dịch axit và muối khác. - Bổ túc phương trình liên quan đến tính chất hóa học/ điều chế. - Toán hỗn hợp cơ bản (KL/ oxit KL/ bazơ/ muối tác dụng với dung dịch HCl/ H₂SO₄). - Toán SO₂ cộng dung dịch bazơ (bậc 1 hoặc bậc 2). Vận dụng: - Xác định tên kim loại thông qua các phản ứng với axit, lưu huỳnh, halogen. - Xác định tên halogen thông qua phản ứng với muối, kim loại.	4	3	1	
2	TỐC ĐỘ PHẢN ỨNG		Nhận biết: - Định nghĩa tốc độ phản ứng và ví dụ cụ thể. - Biết các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng: nồng độ, áp suất, nhiệt độ, diện tích tiếp xúc, chất xúc tác. Thông hiểu: - Hiểu được các yếu tố nồng độ, áp suất, nhiệt độ, diện tích tiếp xúc, chất xúc tác ảnh hưởng như thế nào đến tốc độ phản ứng.	1			
4	TỔNG			5	4	1	

BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II
MÔN: HÓA HỌC 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT – HÌNH THỨC: TỰ LUẬN

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	I. HỢP CHẤT CÓ NHÓM CHỨC	Ancol - Phenol - Andehit	Nhận biết: - Nêu được công thức chung của ankanol, ankanal. - Tính chất vật lý, hóa học cơ bản. - Viết được đồng phân mạch cacbon và danh pháp các chất cơ bản (tên thường, tên thay thế C2 – C4), gọi tên. Dựa vào tính chất vật lý, tính chất hóa học cơ bản để xác định CTCT đúng của một chất. - Nêu được tính chất vật lý chung và tính chất hóa học của ancol – phenol – andehit. - Viết phương trình chứng minh hoặc minh họa tính chất chất hóa học/ điều chế. - Bồ túc phương trình xảy ra giữa các chất trong điều kiện thích hợp, xác định sản phẩm chính phụ (nếu có). - Nêu hiện tượng một số phản ứng đặc trưng. Thông hiểu: - Xác định CTPT và tính toán cơ bản dựa vào phản ứng hóa học. - Nhận biết được ancol đơn chức, đa chức (glixerol – etylen glicol), phenol, andehit. Vận dụng: - Toán hỗn hợp đơn giản. - Toán xác định CTPT, CTCT.	3	3	1	
2	II. KIẾN THỨC TỔNG HỢP	Hidrocacbon Ancol – Phenol – Andehit	Nhận biết - Viết phương trình thể hiện tính chất/ điều chế của một số hidrocacbon và hợp chất có nhóm chức cơ bản. - Tính chất vật lý, tính chất hóa học, ứng dụng cơ bản của hidrocacbon và hợp chất có nhóm chức. Thông hiểu: - Dựa vào công thức cấu tạo, đặc điểm của chất để suy ra tính chất và ngược lại.	2	1		
	TỔNG CÂU	10		5	4	1	

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II

MÔN: HÓA HỌC 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 50 PHÚT – HÌNH THỨC: TRẮC NGHIỆM

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chương 6: Kim loại kiềm – Kim loại kiềm thổ - Nhôm	1.1 Kim loại kiềm và hợp chất kim loại kiềm	Nhận biết: - Kí hiệu, cấu hình, vị trí của KLK, gọi tên các KLK và hợp chất của chúng. - Công thức các hợp chất của kim loại kiềm. - Xác định số oxi hóa của kim loại kiềm. - Một hợp chất quan trọng của kim loại kiềm như NaOH, NaHCO₃, Na₂CO₃, KNO₃ (đã học lớp dưới) Thông hiểu: - Tính chất vật lý và tính chất hoá học: - Viết các phương trình hoá học minh hoạ tính chất hoá học của kim loại kiềm và một số hợp chất của chúng. - Bài toán tính theo PTHH, xác định kim loại kiềm và tính thành phần hỗn hợp.	1	1		
		1.2. Kim loại kiềm thổ và hợp chất quan trọng của kim loại kiềm thổ	Nhận biết: - Kí hiệu, cấu hình, vị trí của KLKT, gọi tên các KLKT và hợp chất của chúng. - Biết sản phẩm của phản ứng của kim loại với phi kim (oxi, clo), HCl, H₂O. - Khái niệm về nước cứng (tính cứng tạm thời, vĩnh cửu, toàn phần), tác hại của nước cứng, cách làm mềm nước cứng. - Cách nhận biết ion Ca²⁺, Mg²⁺ trong dung dịch. - Nhận biết hiện tượng tự nhiên: tạo thạch nhũ, xâm thực, vôi chết ... Thông hiểu: - Tính chất vật lý và hóa học cơ bản. - Ứng dụng của Ca(OH)₂, CaCO₃, CaSO₄.2H₂O. - Bài toán tính theo PTHH, xác định kim loại kiềm thổ và tính thành phần hỗn hợp.	1	1		

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		1.3. Nhôm và hợp chất của nhôm	Nhận biết: - Vị trí trong bảng tuần hoàn, cấu hình lớp electron ngoài cùng của nhôm. - Công thức hóa học và tên gọi các hợp chất của nhôm. - Biết sản phẩm của phản ứng giữa nhôm với O_2, Cl_2, HCl, oxit kim loại, dung dịch $NaOH$; phản ứng điều chế $Al(OH)_3$. - Tính chất lưỡng tính của Al_2O_3, $Al(OH)_3$: vừa tác dụng với axit mạnh, vừa tác dụng với bazơ mạnh. Thông hiểu: - Nguyên tắc và sản xuất nhôm bằng phương pháp điện phân oxit nóng chảy - Bài toán tính theo một PTHH. - Viết các PTHH minh họa tính chất hoá học/ điều chế. - Sử dụng và bảo quản hợp lý các đồ dùng bằng nhôm.	2	2		
2	Chương 7: Sắt và một số kim loại quan trọng	2.1. Sắt	Nhận biết: - Vị trí, cấu hình electron lớp ngoài cùng của Fe, Fe^{2+}, Fe^{3+}. - Tính chất hoá học của sắt: tính khử trung bình (tác dụng với oxi, lưu huỳnh, clo, nước, dung dịch axit, dung dịch muối). - Cách bảo quản muối $Fe(II)$. Thông hiểu: - Viết các PTHH minh họa tính khử của sắt. - Tính sản phẩm tạo thành hoặc chất tham gia trong phản ứng của sắt với phi kim, axit, muối. - Kiểm tra và đếm số thí nghiệm và kết luận được tính chất hóa học của sắt.	6	4	-	-
			Nhận biết: - Tính chất vật lí, nguyên tắc điều chế và ứng dụng của một số hợp chất của sắt. - Tên và công thức các hợp chất của sắt.				

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		2.2. Hợp chất của sắt	- Tính khử của hợp chất sắt (II): FeO, Fe(OH)_2, muối sắt (II). - Tính oxi hóa của hợp chất sắt (III): Fe_2O_3, Fe(OH)_3, muối sắt (III). - Tính kém bền nhiệt của Fe(OH)_2 và Fe(OH)_3. Thông hiểu: - Dự đoán, kiểm tra bằng thí nghiệm và kết luận được tính chất hoá học. - Viết PTHH minh họa tính chất hoá học. - Bài toán tính theo phương trình, sắt và hợp chất sắt tác dụng với phi kim/ axit/ muối, bazơ, nhiệt luyện, xác định CT oxit sắt,...	6	4		
3	Tổng hợp kiến thức vô cơ	Chương 6 - 7	Nhận biết: - Các hợp chất có tính lưỡng tính. - Sản phẩm (khí, kết tủa) của một phản ứng hóa học. - Nêu hiện tượng và viết PTHH minh họa của một số phản ứng đặc trưng. - Xác định tính đúng sai của một số nhận định. Thông hiểu: - Đếm số chất, số thí nghiệm theo yêu cầu, đếm số nhận định đúng sai. - Tính chất vật lý, hóa học, điều chế các kim loại kiềm, kiềm thổ, nhôm, sắt và hợp chất của chúng. Vận dụng - Bài tập hỗn hợp các kim loại kiềm, kiềm thổ, nhôm, sắt và hợp chất của chúng - Sơ đồ chuyển hóa các đơn chất/ hợp chất của kim loại kiềm, kiềm thổ, nhôm, sắt. - Vận dụng tính chất hóa học để viết các PTHH theo yêu cầu (tỉ lệ, muối axit hay muối trung hòa).	4	4	4	
Tổng				20	16	4	